

Bản án số 01/2025/DS - ST

Ngày 16 - 7 - 2025

v/v "*Tranh chấp hợp vay tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Việt và bà Tạ Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2025/TLST – DS, ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1968. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, xã P, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Bà Kpă H1, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn I, xã P, tỉnh Gia Lai.

- Người phiên dịch tiếng Jrai: Ông Nay Dăm T, sinh năm 1987. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố G, xã P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Năm 2018 tôi có cho bà Kpă H1 (tên gọi khác Mí T) nhiều lần vay tiền để sản xuất mì tươi. Đến ngày 07 tháng 3 năm 2019 bà H1 ký nhận nợ tôi tổng số tiền 40.000.000 đồng, bà Kpă H1 hứa trả dần theo từng năm nhưng từ năm 2019 đến nay bà Kpă H1 không trả cho tôi mặc dù tôi đã đi đòi nhiều lần.

Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 12 – Gia Lai buộc bà Kpă H1 trả cho tôi số tiền gốc 40.000.000 đồng trong một lần, tôi không yêu cầu tính tiền lãi.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Kpă H1 không có bản tự khai, không đến Tòa án để trình bày, không trực tiếp tham gia và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng tại Tòa án nên không thể ghi nhận ý kiến.

3. Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án.

Phần nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Vào ngày 07/03/2019 bà H có cho bà Kpă H1 vay số tiền 40.000.000 đồng để đầu tư sản xuất mỳ, khi vay bà H1 hứa trả dần theo từng năm cho bà H, nhưng từ năm 2019 đến nay bà H1 không trả cho bà H, mặc dù bà H đã đi đòi nhiều lần. Nay bà H đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai buộc bà H1 trả cho bà số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Kpă H1: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không hợp tác, cũng không có bất cứ lời khai nào trong hồ sơ, bị đơn đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cho nên không có cơ sở để xem xét.

Trên cơ sở chứng cứ, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng giữa bà H và bà H1 có xác lập hợp đồng vay tài sản, giấy vay tiền có chữ ký và ghi họ và tên của bà H1 (BL: 04). Như vậy, bà H1 xác lập giao dịch với bà H là có thật, về thời hạn trả nợ các bên có thỏa thuận trả dần theo từng năm. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên do bà H1 vi phạm về nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 thanh toán nhưng bà H1 không thanh toán. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả nợ số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 BLTTDS,
- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 463, 470 của BLDS,

Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H buộc bị đơn bà Kpă H1 trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng.

Về án phí: Bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện bị đơn bà Kpã H1 trả số tiền nợ 40.000.000 đồng từ việc vay tài sản, nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện bị đơn bà Kpã H1 có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Gia Lai (xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai cũ), nên Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai (Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai cũ) thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án Khu vực 12 – Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị Quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 35, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 (Sau đây gọi tắt là BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa,... đến lần thứ hai cho bị đơn bà Kpã H1 nhưng bị đơn bà Kpã H1 không có bản trình bày, ý kiến và không đến tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bị đơn bà Kpã H1 nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên tòa là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình và còn gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS. HĐXX chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để quyết định. Bị đơn bà Kpã H1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của BLTTDS.

[3] Về nội dung vụ án

Về tiền nợ gốc: Căn cứ vào chứng cứ là 01 (Một) tờ giấy kê ô ly có một mặt ghi nội dung: “Maben

Tiền gốc 40.000.000 2019 2019

+ cô cho mí hùng không lãi:

+ 1 năm rã dần:

Kpã H1”

mà nguyên đơn bà Lê Thị H đã cung cấp cho Tòa án. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có cơ sở để khẳng định bà Kpã H1 đã biết và thỏa thuận xác lập một giao dịch là hợp đồng vay tài sản là tiền của bà H với số tiền gốc là 40.000.000 đồng.

Xét hợp đồng trên là một hợp đồng dân sự được giao kết hợp pháp, nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Khi đến hạn và bà H đi đòi nhiều lần nhưng bà H1 không thực hiện việc trả tiền cho bà H là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 351, 357 của Bộ luật dân sự 2015. Nên việc khởi kiện của nguyên đơn bà H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ đánh giá và nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, xử buộc bị đơn bà Kpă H1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà H 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

[4] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà H được chấp nhận nên bị đơn bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 40; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 351, 357, 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự 2015,

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về tiền nợ: Buộc bị đơn bà Kpă H1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị H số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Kpă H1 có nghĩa vụ nộp 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị H toàn bộ số tiền đã tạm nộp án phí trước đây là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) theo biên lai thu số 0004415 ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn bà Lê Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/7/2025), còn bị đơn bà Kpă H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 12;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn